

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **147/2019/DS-PT**

Ngày: 21/5/2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Bà **Trần Thị Thu Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 và ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2019/TLPT-DS ngày 19/3/2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 120/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐ-PT ngày 25/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần V.**

Địa chỉ: Số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ngô Chí D** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: **Đỗ Thành T** – Chức vụ: Phó tổng giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng TMCP V kiêm Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.

(Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018)

Người đại diện theo ủy quyền lại:

- **Mai Hoàng N**, sinh năm 1990; (có mặt)

- **Tô Thị Hồng M**, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tầng 2, số 96, đường C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 12876/2019/UQ-PGDK ngày 20/4/2019)

2. Bị đơn: **Lê Thanh T**, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 4A/1, N, phường 3, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần V**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:*

Ngày 20/11/2015, anh Lê Thanh T vay 10.000.000 đồng thông qua hình thức mở thẻ tín dụng, thỏa thuận lãi suất 35,88%/năm. Ngày 11/01/2016, anh T vay 40.000.000 đồng cũng thông qua hình thức mở thẻ tín dụng, thỏa thuận lãi suất 31,08%/năm. Ngày 22/6/2016, anh T vay 70.000.000 đồng thông qua tài khoản, thỏa thuận thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 15,5%, cả 03 lần vay đều có mục đích tiêu dùng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, anh T đã trả được 3.890.000 đồng vốn và 3.572.192 đồng lãi của khoản vay 70.000.000 đồng. Sau đó, anh T không trả khoản tiền nào, dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh T trả 198.470.219 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + 66.110.000 đồng, tiền lãi là 11.589.732 đồng + 39.135.255 đồng + 31.635.241 đồng, tiền lãi tính đến ngày 16/11/2018).

Yêu cầu anh T tiếp tục trả cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh sau ngày 16/11/2018 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

** Bị đơn anh Lê Thanh T vắng mặt tại Tòa án cấp sơ thẩm và không có ý kiến, yêu cầu gì.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu anh T trả 66.110.000 đồng tiền vốn và 31.635.241 đồng tiền lãi.

Buộc anh Lê Thanh T trả cho Ngân hàng TMCP V 50.000.000 đồng tiền vốn và 10.395.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 16/11/2018, tổng cộng là 60.395.000 đồng.

Anh T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày 16/11/2018 theo các hợp đồng đã ký kết đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 10/12/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 120/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng buộc anh T trả cho Ngân hàng số tiền 198.470.219 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 116.110.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 16/11/2018 là 82.360.219 đồng), thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh T phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn Lê Thanh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản ghi ý kiến đồng ý hay bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Các đương sự không có sự thỏa thuận nào về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký tòa án và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án đều tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng án sơ thẩm xử chỉ chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở vì mức lãi suất do Ngân hàng V áp dụng hai khoản vay 10.000.000 đồng và 40.000.000 đồng đối với bị đơn không đúng với Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định. Đối với khoản vay 70.000.000 đồng thì theo hợp đồng ghi đến thời điểm khởi kiện chưa đến thời hạn trả nợ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát xét thấy:

[1] Nguyên đơn thực hiện quyền kháng cáo bản án theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về phía bị đơn Lê Thanh T đã được Tòa án cấp phúc thẩm tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không báo lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản của tổ chức tín dụng là đúng với tính chất vụ án thuộc phạm vi xem xét

giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 351, 352 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung, nguyên nhân tranh chấp: Vào ngày 20/11/2015 Ngân hàng thương mại cổ phần V tại địa chỉ tầng 2, số 296 đường P, phường 7, quận P, thành phố Hồ Chí Minh đồng ý cho anh Lê Thanh T sinh năm 1990, địa chỉ 4A/1 đường N, phường 3, thành phố M tỉnh Tiền Giang mở thẻ tín dụng vay 10.000.000 đồng với lãi suất 35,88%/năm cho mục đích tiêu dùng. Ngày 10/01/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) cho anh T mở thẻ tín dụng vay 40.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng lãi suất thỏa thuận 31,08%/năm. Ngày 22/6/2016 Ngân hàng V cho anh T mở tài khoản vay 70.000.000 đồng, mục đích vay sửa chữa nhà, lãi suất thỏa thuận 15,5%/năm, thời hạn vay 36 tháng hình thức trả nợ được ngân hàng duyệt NIÊN KIM ĐỀU. Sau các thỏa thuận Ngân hàng V đã giải ngân cho anh T rút toàn bộ 3 khoản vay. Sau đó anh T trả được 3.890.000 đồng vốn và 3.572.192 đồng tiền lãi của khoản vay 70.000.000 đồng rồi ngưng luôn không trả nữa. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Thanh T trả cho Ngân hàng 116.110.000 đồng vốn và 82.360.228 đồng tiền lãi tính đến ngày 16/11/2018 của 3 khoản nợ tổng cộng 198.470.228 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 16/11/2018 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Quá trình tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp có tổng đạt hợp lệ nhiều văn bản tố tụng cho anh Lê Thanh T nhưng anh T đều vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V 50.000.000 đồng vốn và 10.395.000 đồng tiền lãi của 2 khoản vay thẻ tín dụng ngày 20/11/2015 và 10/01/2016. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V đòi anh T trả 66.110.000 đồng vốn và 31.635.241 đồng tiền lãi của số tiền vay ngày 22/6/2016. Ngày 10/12/2018 Ngân hàng V kháng cáo yêu cầu tòa án phúc thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng nhận thấy:

Tại giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (dành cho khách hàng cá nhân) do Ngân hàng V (gọi tắt là VB) phát hành, thể hiện: Ngày 20/11/2015 anh Lê Thanh T đề nghị Ngân hàng VB cho vay hạn mức 10.000.000 đồng bằng thẻ tín dụng tín chấp được Ngân hàng duyệt chấp thuận. Ngày 10/01/2016 anh Lê Thanh T tiếp tục làm giấy đề nghị như trên vay hạn mức 40.000.000 đồng cũng được ngân hàng duyệt chấp thuận. Cả hai giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế đều không ghi mức lãi suất và thời hạn trả vốn lãi. Nhưng tại khoản 2 mục 11 của giấy đề nghị có ghi *“Bằng việc ký vào mẫu đơn này, Tôi/chúng tôi xác nhận rằng đã đọc hiểu rõ và đồng ý bị ràng buộc bởi các điều khoản và điều kiện sử dụng của bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng VB mà nó cùng với mẫu đơn này tạo nên một hợp đồng ràng buộc về mặt pháp lý giữa tôi/chúng tôi và VB”*. Kèm theo nội dung ghi trong giấy đề nghị như trên, là: *“Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng/ thẻ ghi nợ/ tài khoản thanh toán/ dịch vụ*

ngân hàng điện, điện tử”. Bản thỏa thuận ghi rất chi tiết về quyền, nghĩa vụ của chủ thẻ, quyền nghĩa vụ của Ngân hàng. Về lãi suất và các loại phí được quy định tại Điều 4 của bản thỏa thuận như sau: “4.1 Lãi suất cho vay của VB đối với chủ thẻ thông qua việc phát hành và sử dụng thẻ áp dụng theo lãi suất cho vay do VB quy định tại từng thời kỳ”, “4.2 Lãi suất quá hạn và phí chậm trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến thanh toán nếu chủ thẻ không thanh toán đúng hạn khoản thanh toán tối thiểu thì phần giá trị thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán sẽ bị tính phí chậm trả và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.”

Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng. Ngân hàng nhà nước không ấn định mức lãi suất. Và khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay ban hành kèm theo quyết định 1627/2001/QĐ.NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước quy định. *“Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn”*.

Căn cứ vào các quy định trên V chấp thuận cho mở thẻ tín dụng theo đề nghị của khách hàng Lê Thanh T được vay 10.000.000 đồng vào ngày 20/11/2015 và 40.000.000 đồng vào ngày 10/01/2016 theo lãi suất ghi trong bản thỏa thuận là phù hợp với các qui định của pháp luật như đã viện dẫn.

[5] Về lãi suất: Theo bản thỏa thuận là một phần của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do anh T đề nghị được Ngân hàng V chấp thuận ghi lãi suất điều chỉnh theo lãi suất cho vay do V quy định từng thời. Còn lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn: Từ nội dung bản thỏa thuận Ngân hàng V áp dụng quyết định số 901/2015/QĐ-TGD ngày 07/12/2015. Quyết định số 134/2016/QĐ-TGD ngày 24/02/2016 và Quyết định số 746/2016/QĐ-TGD ngày 07/9/2016. Quyết định 256/2018/QĐ-TGD ngày 05/4/2018 của Tổng giám đốc Ngân hàng V. (BL 74, 73, 72, 71, 70, 69, 68). Căn cứ vào các quyết định nói trên. Ngân hàng VB yêu cầu anh T trả các khoản nợ theo kết quả tính toán như sau:

[5.1] Đối với hợp đồng thẻ tín dụng mở ngày 24/11/2015 hạn mức 10.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 20/9/2016 là 9.147.796 đồng. Tiền lãi phát sinh khoản nợ 9.147.796 đồng được tính:

- Từ ngày 21/9/2016 đến ngày 21/11/2016 tiền vốn 9.147.796 đồng $\times$ lãi suất 29,88%/ năm (365 ngày) $\times$ 62 ngày = 464.295 đồng.

- Từ ngày 22/11/2016 đến ngày 24/4/2018 tiền vốn 9.147.796 đồng $\times$ lãi suất 35,88%/ năm (365 ngày) $\times$ 519 ngày, áp dụng lãi quá hạn 150% thành tiền: 7.000.592 đồng.

- Từ ngày 25/4/2018 đến ngày 16/11/2018 tiền vốn 9.147.796 đồng $\times$ lãi suất 38,28%/ năm (365 ngày) $\times$ 206 ngày, áp dụng lãi quá hạn 150% thành tiền 2.964.516 đồng.

Tổng cộng tiền lãi phát sinh đến 16/11/2018 là 10.429.403 đồng.

[5.2] Đối với hợp đồng thẻ tín dụng mở ngày 28/01/2016 hạn mức 40.000.000 đồng. Dư nợ đến ngày 10/10/2016 là 40.000.000 đồng. Tiền lãi phát sinh khoản nợ 40.000.000 đồng được tính:

- Từ ngày 11/10/2016 đến ngày 12/12/2016 tiền vốn 40.000.000 đồng $\times$ lãi suất 26,28%/ năm (365 ngày) $\times$ 62 ngày = 1.785.600 đồng.

- Từ ngày 12/12/2016 đến ngày 24/4/2018 tiền vốn 40.000.000 đồng $\times$ lãi suất 31,08%/ năm (365 ngày) $\times$ 499 ngày, áp dụng lãi quá hạn 150% thành tiền 25.494.114 đồng.

- Từ ngày 25/4/2018 đến ngày 16/11/2018 tiền vốn 40.000.000 đồng $\times$ lãi suất 33,48%/ năm (365 ngày) $\times$ 206 ngày, áp dụng lãi quá hạn 150% thành tiền 11.337.336 đồng.

Tổng cộng tiền lãi phát sinh đến 16/11/2018 là 38.590.050 đồng.

[5.3] Đối với đề nghị vay vốn do anh Lê Thanh T lập ngày 22/6/2016 được Ngân hàng V duyệt số 8055755 ngày 03/7/2016 cho anh T vay 70.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng lãi suất 15,5%/ năm. Tại mục 8 của đề nghị vay vốn anh T đã cam kết với ngân hàng chấp nhận mọi điều kiện do Ngân hàng phê duyệt. Theo phần II điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân của Ngân hàng V ghi:

- Số tiền được phê duyệt 70.000.000 đồng

- Thời hạn vay 36 tháng

- Lãi suất 15,5%/ năm

- Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/ lần. Phương thức trả nợ Niên Kim đều. Các kỳ trả nợ gốc và lãi theo định kỳ 01 tháng/ lần. Kỳ trả đầu tiên nợ gốc và lãi vào ngày 02/8/2016 tổng cộng 36 kỳ, kèm theo đó là lịch trả nợ của anh T cả vốn và lãi.

Theo hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 02/7/2016 số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 15,5%/ năm (365 ngày) tính từ ngày 02/7/2016 đến 31/7/2016 là 29 ngày tiền lãi = 862.055 đồng.

Từ ngày 01/8/2016 đến 31/8/2016 dư nợ 68.055.000 đồng, lãi suất 15,5%/ năm (365 ngày), số ngày tính lãi 30 ngày, tiền lãi = 867.002 đồng.

Từ ngày 01/9/2016 đến ngày 01/10/2016 dư nợ 66.110.000 đồng lãi suất 15,5%/ năm (365 ngày), số ngày tính lãi 30 ngày, tiền lãi phát sinh 842.223 đồng.

Từ ngày 02/10/2016 đến 22/11/2018 dư nợ 66.110.000 đồng lãi suất 15,5%/ năm (365 ngày) lãi quá hạn 150% so với lãi trung hạn. Số ngày tính lãi 781 ngày, tiền lãi phát sinh 32.888.819 đồng.

Tổng cộng tiền lãi phát sinh 35.460.100 đồng. Anh T đã trả 3.572.192 đồng nên còn nợ 31.887.908 đồng tiền lãi.

[6] Theo các giấy đề nghị mở thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng giữa anh T với Ngân hàng VB đều có ghi mức lãi suất thỏa thuận và phương thức trả nợ nhưng anh T đã vi phạm các thỏa thuận đã ký với ngân hàng, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T trả cả vốn và lãi của 3 khoản vay nêu trên là có căn cứ đúng với Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi về số nợ ngân hàng yêu cầu anh T phải trả nên xem như anh T còn nợ Ngân hàng V các khoản nợ kể trên. Căn cứ vào các nội dung phân tích, xét thấy yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng V có cơ sở được chấp nhận, sửa án sơ thẩm. Buộc anh T trả các khoản nợ cho ngân hàng và tiếp tục trả lãi theo các hợp đồng tín dụng như thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14. Nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trên cơ sở nhận định của Hội đồng xét xử nhận thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 270, 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309, 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng V sửa bản án sơ thẩm số 120/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 85, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010. Điều 351, 352 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V gọi tắt là V. Buộc anh Lê Thanh T trả cho Ngân hàng V các khoản nợ như sau:

1.1. Trả 9.147.796 đồng vốn và 10.429.403 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng mở ngày 24/11/2015 số thẻ 325_P_829185 và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 17/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

1.2. Trả 40.000.000 đồng vốn và 38.622.050 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng mở ngày 28/01/2016 số thẻ 325_P_8122223 và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 17/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

1.3. Trả 66.110.000 đồng vốn và 31.887.908 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 02/7/2016 và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 23/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án dân sự chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí:

- Anh Lê Thanh T phải chịu 9.808.257 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng V 4.974.300 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013161 ngày 20/9/2018 và biên lai thu số 0013433 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ 50 phút ngày 21/5/2019 có mặt đại diện nguyên đơn anh Mai Hoàng N, vắng mặt bị đơn anh Lê Thanh T.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP. M;
- Chi cục THADS TP. M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải